

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD VÀ PTQĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Công trình: Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng T

Địa điểm: Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Công văn số: ~~718~~ **718**/BQL ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới)

I/ CÁC CĂN PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
- Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong 1 đất đai;
- Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc Hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà n hỏi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật t Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/20224 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất g hai đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 12/2025/QDD-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thươ hai về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024;
- Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị Quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Trị;

- Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mà khi Nhà nước thu hồi đất ; bản tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;
- Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình, ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị V/v áp dụng giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất ; bản tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị V/v đề nghị cho chủ trương áp dụng lựa c) định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Thông báo số 4969/TB-UBND ngày 02/12/2025 của UBND phường Đồng Hới về điều chỉnh danh sách kèm theo thông báo số 2202/TB-UBND 22/9/2025 của UBND phường Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Báo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 8 - lần 2);
- Căn cứ Thông báo số 4967/TB-UBND ngày 02/12/2025 của UBND phường Đồng Hới về thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thành phần Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Báo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 10);
- Căn cứ Thông báo số 2403/TB-UBND ngày 12/5/2026 của UBND phường Đồng Hới về điều chỉnh danh sách kèm theo thông báo số 2202/TB-UBND 22/9/2025, số 1333/TB-UBND ngày 20/3/2026, 1966/TB-UBND ngày 17/4/2026 của UBND phường Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Báo Ninh, thành phố Đồng Hới;
- Căn cứ Thông báo số 1333/TB-UBND ngày 20/3/2025 của UBND phường Đồng Hới về điều chỉnh danh sách kèm theo thông báo số 86/TB-UBND ngày 24/ tháng báo số 2202/TB-UBND ngày 22/9/2025, thông báo số 147/TB-UBND ngày 05/5/2025 của UBND phường Đồng Hới về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Báo Ninh, thành phố Hới;
- Căn cứ Thông báo số 1616/TB-UBND ngày 02/4/2026 của UBND phường Đồng Hới về thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thành phần Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Báo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 12);

- Căn cứ kết quả chỉnh lý bản đồ số 25,60 xã Bảo Ninh, khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ Quảng Bình (đợt 1) do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 18/12/2023 được Sở Tài nguyên - Môi trường ký duyệt ngày 22/12/2023; Kết quả chỉnh lý bản đồ số 24,25,60 xã Bảo Ninh, khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình (đợt 1) do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 14/01/2025 được Sở Tài nguyên - Môi trường ký duyệt ngày 20/01/2025 và thông kê đo đạc kèm theo;
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (đợt 1 - điều chỉnh lần 3) khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 24/11/2025 và thông kê đo đạc kèm theo;
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (phục vụ thu hồi đất đợt 1 - điều chỉnh lần 4) khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 17/3/2026 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 19/3/2026;
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (đợt 3) tờ bản đồ số 24,25,60 xã Bảo Ninh cũ, khu đất: Dự án thành phần 2 - Cầu 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 14/11/2025 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 20/01/2025;
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (phục vụ thu hồi đất đợt 1 - điều chỉnh bổ sung) khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 03/4/2026 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 16/4/2026;
- Căn cứ kết quả chỉnh lý địa chính phục vụ thu hồi đất (phần điều chỉnh, bổ sung đợt 1 - lần 3) khu đất: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh lập ngày 24/11/2025 được Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt ngày 28/11/2025;
- Căn cứ giấy xác nhận số 232/GXN-UBND ngày 02/4/2025 của UBND xã Bảo Ninh xác nhận về diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng của các hộ gia đình bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Căn cứ Công văn số 2973/UBND-KTHTĐT ngày 15/10/2025 của UBND phường Đồng Hới V/v nguồn gốc thời điểm sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân hưởng án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Căn cứ giấy xác nhận số 1818/GXN-UBND ngày 13/4/2026 của UBND phường Đồng Hới xác nhận về tỷ lệ (phần trăm) diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nông nghiệp đang sử dụng của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Căn cứ Công văn số 633/KTHTĐT ngày 17/3/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương án giá đất để lập phương án thương mại Nhà nước thu hồi đất Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu kèm theo Chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 và phương án lập dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Ban quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 919/KTHTĐT ngày 14/4/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương án giá đất để lập phương án thương mại Nhà nước thu hồi đất Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu kèm theo Chứng thư định giá đất số 16/CT-BQL ngày 13/4/2026 và phương án lập dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;




- Căn cứ Công văn số 741/KTHĐT ngày 27/3/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương án giá đất để lập phương thường khi Nhà nước thu hồi đất Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu kèm theo Chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27/3/2026 c quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 1306/KTHĐT ngày 22/5/2026 của phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị phường Đồng Hới V/v cung cấp phương án giá đất để lập phương thường khi Nhà nước thu hồi đất Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu kèm theo Chứng thư định giá đất số 19/CT-BQL ngày 22/5/2026 c quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Căn cứ Công văn số 2689/UBND ngày 22/5/2026 của UBND phường Đồng Hới V/v xác nhận nghề nghiệp, và thời điểm tạo lập tài sản của các hộ gia đình hưởng thuộc dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu;
- Căn cứ Biên bản làm việc ngày 16/8/2023 về việc mượn mặt bằng thi công công trình cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu giữa các bên: Ban quản lý dự án c1 Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương với ông Hoàng Kết Quả;
- Căn cứ Biên bản làm việc ngày 29/9/2023 về việc mượn mặt bằng thi công công trình cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu giữa các bên: Ban quản lý dự án c1 Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương với ông Hoàng Quyết;
- Căn cứ Báo cáo chính thức về Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm năm 2024 của Chi cục Thống kê Đồng Hới (nay là Thống kê cơ sở Đồng Hới);
- Căn cứ Phiếu điều tra giá bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng kỳ ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới;
- Căn cứ Công bố số 2462/CB-SXD ngày 06/4/2026 của Sở Xây dựng Công bố Giá vật liệu xây dựng tháng 3 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Biên bản kiểm kê khối lượng bồi thường GPMB và các giấy tờ liên quan.

II/ NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:

1/ Tổng diện tích đất thu hồi: 1.366,5 m²

Trong đó:

- Đất trồng nuôi trồng thủy sản (NTS):

1.366,5 m²

2/ Tổng số người có đất thu hồi: 03 hộ gia đình, cá nhân.

3/ Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng tiền.

4/ Phương án bố trí tái định cư: Không.

5/ Phương án di dời mồ mã trong phạm vi đất thu hồi: Không.

6/ Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

7/ Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- a/ Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:
- Bồi thường về đất: 642.251.000 đồng
 - Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: 11.694.300 đồng
 - Các khoản hỗ trợ: 210.697.520 đồng
 - 361.861.650 đồng

b/ Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện BT, HT, TĐC: Chưa tính đợt này.

- 8/ Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:
- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Thời gian nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày Ban QLDA ETXD và PTQĐ Đồng Hới có thông báo chi trả đầu.

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
1	Ông, bà: Hoàng Kết Quả - CCCD: 044059001699 - Phạm Thị Hồng Duyên - CCCD: 044161001269 - Địa chỉ thường trú: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - SĐT: 0382478461							11.694.300	59.444.191	59.640.930	130.779.000
A	Bồi thường về đất: (Bồi thường về đất căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai năm 2024; khoản 1 Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024)										
	Giá đất tỉnh bồi thường Căn cứ Công văn số 633/KTHT&ĐT ngày 17 tháng 3 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất kèm theo chứng thư định giá đất số 02/CT-BQL ngày 28/01/2026 của Ban quản lý dự án ETXD và PTQĐ Đồng Hới.										
-	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS), thửa đất số 37-1, TBD số 24	m ²	111,300	51.000				5.676.300			TB 4969/TB ngày 02/12/2025, điều chỉnh TB 2202 ngày

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS), thửa đất số 37-2, TĐĐ số 24	m ²	118,000	51.000			6.018.000			TB 4967/TB ngày	
	Nguồn gốc đất thửa 37-1, 37-2, TĐĐ số 24: Ông, bà: Hoàng Kết Quả - Phạm Thị Hồng Duyên sử dụng nuôi trồng thủy sản từ năm 2010 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại công văn số 2973/UBND-KTHHĐT ngày 15/10/2025										
	Tổng diện tích bị thu hồi đất: 229,300										
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:										
b1	Tài sản trên thửa đất số 37-1, 37-2, TĐĐ số 24:										
	Tài sản tạo lập năm 2010 được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 2689/UBND-KTHHĐT ngày 22/5/2026.										
b1.1	Đào, đắp đê tại chỗ.										
b1.1.1	Đê 1: (phía Bắc giáp BCS). KT: (1,5+1,0)/2*1,4*10,36	m3	18,130	95.000			1.722.350			STT 29/VI/B PL I, (
b1.1.2	Đê 2: (phía Tây giáp BCS). KT: (1,5+1,0)/2*1,4*28,24	m3	49,420	95.000			4.694.900			STT 29/VI/B PL I, (
-	Gạch block xếp khảm trên mái đê 2. KT: 28,24*2,5*0,15 Diện tích lát gạch block = 28,24*2,5 = 70,6 m ² Tiết diện gạch block = 0,22*0,11 = 0,0242 m ² /viên Số lượng gạch block = 70,6 m ² /0,0242 m ² /viên = 2.917 viên	viên	2.917,000	2.646			7.718.382			STT 362, Công bố số 2462/CBC	
	(Đơn giá: 2.450đ/viên + 8% VAT = 2.646 đ/viên). Mức Thuế GTGT 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025										
b1.1.3	Đê 3: (phía Nam giáp BCS). KT: (1,5+1,0)/2*1,4*5,29	m3	9,258	95.000			879.463			STT 29/VI/B PL I, (
b1.4	Đào hồ sâu 1,4 m, KT: Diện tích đào hồ - diện tích thu hồi - diện tích chiếm đê: 229,3 m ² - (10,36*1,5) - (28,24*1,5) - (5,29*1,5)	m ²	163,465	46.000			7.519.390			STT 33/VI/B PL I, (

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
b1.5	Cả Rô phi: nuôi bán thâm canh từ 80 ngày đến 160 ngày:	m2	163,465		28.100				4.593.367		STT 8, PLLI, (
b1.6	Dừa: Cây từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 6	cây	7,000		427.100				2.989.700		STT 4, I Mục C - 1
b1.7	Giếng khoan đất cát sâu 6m (khoan thủ công)	cái	2,000		1.077.000				2.154.000		STT 28,7/VVB PL I, (
b2	Tài sản trên đất BCS, SON do UBND phường Đồng Hới quản lý										
	Tài sản tạo lập năm 2010 được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 2689/UBND-KTHTĐT ngày 22/5/2026.										
	Tài sản xây dựng, tạo lập trái quy định trên đất UBND phường quản lý nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2, Điều 105 Luật Đất										
	đất 2024 nhưng được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng										
	Tây. Mức hỗ trợ bằng 80%. Lý do: Công trình xây dựng khác được tạo lập, xây dựng trái quy định trước 1/7/2024 và quá trình tạo lập không có văn										
	bản xử lý, ngân sách của cấp có thẩm quyền thì được hỗ trợ.										
b2.1	Đá học xanh xếp khan (mặt ngoài) đê 2. KT: 28,24*2,5*0,4	m3	28,240		670.000				15.136.640		STT 11/VVB PL I, (
b2.2	Cống thoát nước bằng BTCT đường kính 0,6m, dài 0,6 m. KT: 30 buy*0,6 m = 18,0 m	md	18,000		725.000				10.440.000		STT 38/VVB PL I, (
b2.3	Đê (1,5+1,0)/2*1,4*12,0	m3	21,000		95.000				1.596.000		STT 29/VVB PL I, (
C/	Các khoản hỗ trợ										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	khẩu	2,000								
-	Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 100% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng.	kg									
	Tỷ lệ 100% được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại GXN số 1818/GXN-UBND ngày 13/4/2026										
	Đã tính hỗ trợ đời sống tại Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND phường Đồng Hới)										

TT	Họ và tên Danhs mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất NTS. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất NTS trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: $51.000đ/m^2 \times 5 \text{ lần} = 255.000đ/m^2$	m ²	229,300			255.000				58.471.500	
	<i>(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>										
	<i>(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)</i>										
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh với đất NTS. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất NTS trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: $51.000đ/m^2 \times 10\% = 5.100đ/m^2$	m ²	229,300			5.100				1.169.430	
	<i>(Căn cứ khoản 6 Điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>										
2	Ông, bà: Hoàng Quyết - CCCD: 044071008231 - Hoàng Thị Mỹ Hạnh - CCCD: 044173001799 - Địa chỉ thường trú: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0833205923										
A	Bồi thường về đất:										
	<i>(Bồi thường về đất căn cứ quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai năm 2024)</i>										
	<i>Giá đất tính bồi thường Căn cứ Công văn số 741/KTHT&ĐT ngày 27 tháng 3 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp</i>										

TT	Họ và tên Dan mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		
	<i>phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất kèm theo chứng thư định giá đất số 12/CT-BQL ngày 27/03/2026 của Ban quản lý dự án DTXD và PTQĐ Đồng Hới.</i>											
	<i>Giá đất tỉnh bồi thường Căn cứ Công văn số 1306/KTHT&ĐT ngày 22 tháng 5 năm 2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất kèm theo chứng thư định giá đất số 19/CT-BQL ngày 22/05/2026 của Ban quản lý dự án DTXD và PTQĐ Đồng Hới.</i>											
-	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS), thửa đất số 35(2-1), TBD số 24	m ²	352,100	51.000			17.957.100					
-	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS), thửa đất số 31-1, TBD số 86	m ²	770,400	51.000			39.290.400					
	<i>Nguồn gốc đất: Thửa 35 (2-1), tờ bản đồ 24; thửa đất số 35-1, tờ bản đồ số 86 thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ 24: do Ông, bà: Hoàng Quyết - Hoàng Thị Mỹ Hạnh sử dụng nuôi trồng thủy sản từ năm 2002 đến nay được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại công văn số 1012/UBND-KTHTĐT ngày 04/3/2026.</i>											
	Tổng diện tích bị thu hồi đất:		1.122,500									
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:											
b1	Tài sản trên thửa đất số 37-1, 37-2, TBD số 24:											
*	<i>Tài sản tạo lập năm 2002 được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 2689/UBND-KTHTĐT ngày 22/5/2026.</i>											
b1.1	Đào hồ sâu 1,0 m. diện tích đào hồ = (352,1+770,4)	m2	1.122,500			28.000			31.430.000			STT 35/V/IB PL I, Q
b1.2	Cả rô phi: Nuôi bán thâm canh từ 80 ngày đến 160 ngày	m2										STT 8, PLII, Q
-	Trong phạm vi thu hồi	m2	1.122,500			28.100			31.542.250			STT 8, PLII, Q
b1.3	Tre bụi từ 20 cây đến < 30 cây	bụi	5,000			181.700			908.500			STT 5 Mục E - Q
C/	Các khoản hỗ trợ											
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:	khẩu	2,000									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 10,18% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Cụ thể: 02 khâu x 30 kg gạo/tháng x 4 tháng x đơn giá gạo	kg	240,000			19.500			4.680.000	
	<i>(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 10,18 % đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại công văn số 2689/UBND-KTHTĐT ngày 22/5/2026)</i>									
	<i>(Căn cứ điểm b, Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>									
	<i>Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ngày 18/3/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới</i>									
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất NTS. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất NTS trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 51.000đ/m ² x 5 lần = 255.000đ/m ²	m ²	1.122,500			255.000			286.237.500	
	<i>(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>									
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh với đất NTS. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất NTS trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 51.000đ/m ² x 10% = 5.100đ/m ²	m ²	1.122,500			5.100			5.724.750	
	<i>(Căn cứ khoản 6 Điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>									

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
	Bà: Trần Thị Huệ CCCD: 044151003881 - Địa chỉ thường trú: TDP Cửa Phú, phường Đông Hới, tỉnh Quảng Trị - Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đông Hới, tỉnh Quảng Trị - SĐT: 0388610364										
A	Bồi thường về đất: <i>(Bồi thường về đất căn cứ quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật Đất đai năm 2024)</i>										
	<i>Giá đất tình bồi thường Căn cứ Công văn số 919/KTHT&ĐT ngày 14/4/2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để lập phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất kèm theo chứng thư định giá đất số 16/CT-BQL ngày 13/4/2026 của Ban quản lý dự án DTXD và PTQĐ Đông Hới.</i>										
-	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS), thửa đất số 242(1), TĐD số 25	m ²	14,700	51.000					749.700		
	<i>Nguồn gốc đất: Đất do Hợp tác xã giao trồng lúa từ năm 1993, đến năm 2006 chuyển sang nuôi trồng thủy sản được UBND xã Bảo Ninh xác nhận tại công văn số 158/UBND ngày 07/3/2025.</i>										
B	Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:										
b1	Tài sản nằm trên thửa đất số 242(1), tờ bản đồ số 25										
	<i>Tài sản tạo lập năm 2015 được UBND phường Đông Hới xác nhận tại Công văn số /UBND-KTHTĐT ngày 22/5/2026.</i>										
b1.1	Đê 1: (phía Nam hồ):										
b1.1.1	Trong phạm vi thu hồi										
	Móng (kè) bằng buy BTCT (đường kính 40 cm, cao 80 cm, 3 lõi). KT: 8,65/0,4=21,625 buy*0,8*3 lõi = 51,9 m	m	51,900								STT 37/V/B PL I, Q
-	Giằng BTCT trên buy. KT: 8,65*0,3*0,15	m ³	0,389						8.329.000		STT 3/V/B PL I, Q
-	Tường xây gạch block dày 15cm. KT: 8,65*0,6	m ²	5,190						264.000		STT 1.9/II/B PL I, Q

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Giàng BTCT trên buy. KT: 8,65*0,2*0,1	m3	0,173		8.329.000			1.440.917			STT 3/VI/B PL I, C
b1.1.2	Ngoài phạm vi thu hồi bị ảnh hưởng										
-	Móng (kè) bằng buy BTCT(đường kính 40 cm, cao 80 cm, 3 lóí). KT: 3,96/0,4=9,9 buy*0,8*3 lóí = 23,76 m	m	23,760		552.000			13.115.520			STT 37/VI/B PL I, Q
-	Giàng BTCT trên buy. KT: 3,96*0,3*0,15	m3	0,178		8.329.000			1.484.228			STT 3/VI/B PL I, C
-	Tường xây gạch block dày 15cm, kt: 3,96*0,6	m2	2,376		264.000			627.264			STT 1.9/III/B PL I, C
-	Giàng BTCT trên buy, kt: 3,69*0,2*0,1	m3	0,079		8.329.000			659.657			STT 3/VI/B PL I, C
b1.2	Đê 2: (phía Tây hồ):										
b1.2.1	Trong phạm vi thu hồi										
-	Móng bằng buy BTCT (đường kính 40 cm, cao 80 cm, 3 lóí). KT: 3,31/0,4= 8,275 buy*0,8*3 lóí = 19,86 m	m	19,860		552.000			10.962.720			STT 37/VI/B PL I, Q
-	Giàng BTCT trên buy. KT: 3,31*0,3*0,15	m3	0,149		8.329.000			1.240.605			STT 3/VI/B PL I, C
-	Tường xây gạch block dày 15cm. KT: 3,31*0,6	m2	1,986		264.000			524.304			STT 1.9/III/B PL I, C
-	Giàng BTCT trên buy KT: 3,31*0,2*0,1	m3	0,066		8.329.000			551.380			STT 3/VI/B PL I, C
b1.2.2	Ngoài phạm vi thu hồi bị ảnh hưởng										
-	Móng bằng buy BTCT(đường kính 40 cm, cao 80 cm, 3 lóí). KT: 2,0/0,4=5 buy*0,8*3 lóí = 12 m	m	12,000		552.000			6.624.000			STT 37/VI/B PL I, Q
-	Giàng BTCT trên buy. KT: 2,0*0,3*0,15	m3	0,090		8.329.000			749.610			STT 3/VI/B PL I, C

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
-	Tường xây gạch block dày 15cm. KT: 2.0*0.6	m2	1,200		264.000			316.800			STT 1.9/III/ PL I, C
-	Giăng BTCT trên bụy. KT: 2.0*0.2*0.1	m3	0,040		8.329.000			333.160			STT 3/VI/B PL I, C
b1.3	Đào hồ sâu ≤ 1,5 m, KT: Diện tích đào hồ - diện tích thu hồi - diện tích chiếm đê: 14,7 m2 - (8,65*0,4) -(3,31*0,4)	m2	12,564		46.000			577.944			STT 33/VI/B PL I, C
b1.4	Cả rô phi: Nười bán thâm canh trên 160 ngày	m2									
	<i>Tài sản tạo lập trước thông báo thu hồi đất được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 2689/UBND-KTHTĐT ngày 22/5/2026.</i>										
-	Trong phạm vi:	m2	12,600		38.600			486.360			STT 8.1, PLII, C
-	Ngoài phạm vi thu hồi bị ảnh hưởng	m2	115,200		38.600			4.446.720			STT 8.1, PLII, C
b1.5	Ông thoát nước uPVC Φ 90	md	12,000		65.007			780.088			STT 2739, Công bố số 2462/CBC
b1.6	Giếng khoan đất cát sâu 6m (khoan thủ công)	Giếng	1,000		1.077.000			1.077.000			STT 28.7/VI/B PL I, C
b2	Tài sản nằm trên đất do UBND phường quản lý										
	<i>Tài sản tạo lập trước thông báo thu hồi đất được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại Công văn số 26889/UBND-KTHTĐT ngày 22/5/2026.</i>										
	<i>Tài sản xây dựng, tạo lập trái quy định trên đất do UBND quản lý. Tại thời điểm tạo lập không có biên bản định chi và thông báo không được phép tạo lập</i>										
	<i>(Hỗ trợ cầm cứ Khoản 10 Điều 15 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>										
b2.1	Mít: Cây từ năm thứ 10 đến hết năm thứ 13	cây	1,000		1.212.300			1.212.300			STT 7 Mục B - I
b2.2	Mãng cầu: Cây từ 45 ngày đến hết năm thứ 1	cây	6,000		70.700			424.200			STT 11.1 Mục B - I
b2.3	Mãng Cầu: Cây từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 3	cây	3,000		120.100			360.300			STT 11.1 Mục B - I
b2.4	Mãng Cầu: Cây từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 6	cây	2,000		206.700			413.400			STT 11.1 Mục B - I
b2.5	Mai cảnh: Cây đường kính gốc từ 1 đến <2cm	cây	10,000		55.000			550.000			STT 4 Mục F - I
b2.6	Mai cảnh: Cây đường kính gốc từ 2cm đến < 5cm	cây	3,000		137.000			411.000			STT 4 Mục F - I


TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	
b2.7	Bơ: Cây từ năm thứ 3 đến hết năm thứ 7	cây	1,000		4.455.200			4.455.200			STT 17 Mục B - (
b2.8	Khoai Lang lấy củ, KT: 6,0*3,0: (Sân lượng: diện tích*năng suất: 18,0*0,6811 kg/m2)	kg	12,260		23.400			286.879			STT 3 Mục A - (
	<i>Năng suất khoai lang lấy củ năm 2024 đất 68,11 tạ/ha = 0.6811 kg/m2</i>										
	<i>(theo báo cáo chính thức diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm 2024 của Chi cục Thống kê Đồng Hới</i>										
C/	Các khoản hỗ trợ										
-	Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:		1,000								5.578.470
-	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất chiếm tỷ lệ 0,59% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng. Cụ thể: 1 khẩu x 30 kg gạo/tháng x 3 tháng x đơn giá gạo	kg	90,000			19.500					1.755.000
	<i>(Tỷ lệ thu hồi đất chiếm 0,59% đất nông nghiệp đang sử dụng, được UBND phường Đồng Hới xác nhận tại công văn số 2689/UBND-KTHĐT ngày 22/5/2026)</i>										
	<i>(Căn cứ điểm a, Khoản 1, Điều 11 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>										
	<i>Giá gạo căn cứ phiếu điều tra bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ngày 18/3/2026 của Thống kê cơ sở Đồng Hới</i>										
-	Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm đối với đất NTS. Mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất NTS trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: 51.000đ/m ² x 5 lần = 255.000đ/m ²	m2	14,700			255.000					3.748.500
	<i>(Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và khoản 1 Điều 13 Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>										

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đvt	Khối lượng	Đơn giá (đồng)			Mức hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)		
				Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ		Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ			
-	Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh với đất NTS. Mức hỗ trợ bằng 10% giá đất NTS trong bảng giá đất quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Cụ thể: $51.000đ/m^2 \times 10\% = 5.100đ/m^2$	m ²	14,700			5.100				74.970			
<i>(Căn cứ khoản 6 Điều 20 nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 và điểm a, khoản 4 Điều 11, Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị)</i>													
Tổng cộng										69.691.500	210.697.520	361.861.650	642.251.000

Số tiền bằng chữ: (Sáu trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi một nghìn đồng chẵn)./.

Đồng Hới, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**KT. TRƯỜNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hương Giang

